FireAnt

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

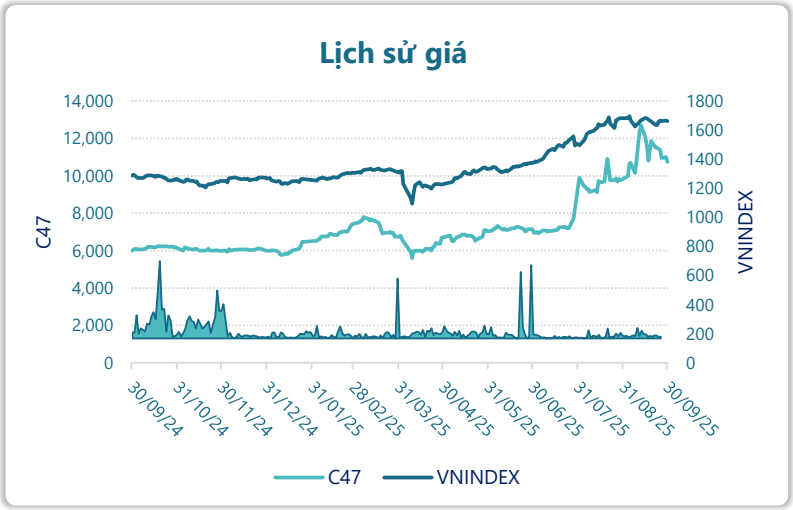

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,750**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,600
SL cổ phiếu LH	36,342,269
KLGD BQ 20 phiên (CP)	329,245
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	391
P/E	8.8
EPS	1,227

DT thuần

Q3/25

392

tỷ VNĐ

QoQ: ▼97.0| -19.9%

YoY: ▲ 204| 108%

LN sau thuế

Q3/25

17.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.40| -2.1%

YoY: ▲ 16.1| 1630%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.5%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

9T 2025

1,300

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 823| 173%

LN sau thuế

9T 2025

45.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.6| 1157%

ROE

Q3/25

9.6%

+/- YoY: ▲ 7.7%

Kết quả kinh doanh

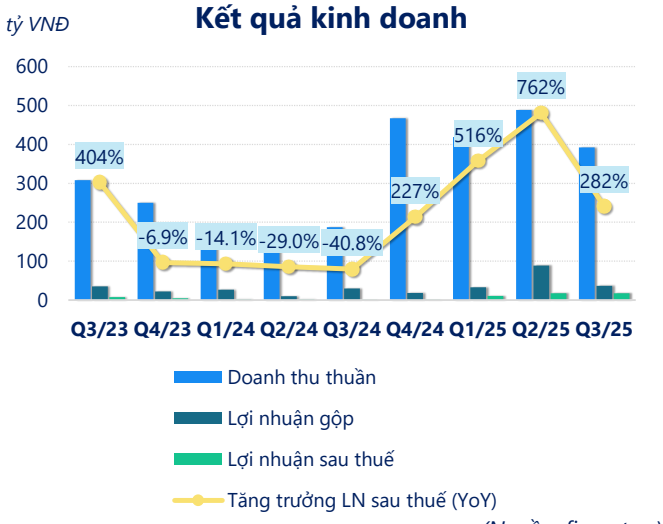

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

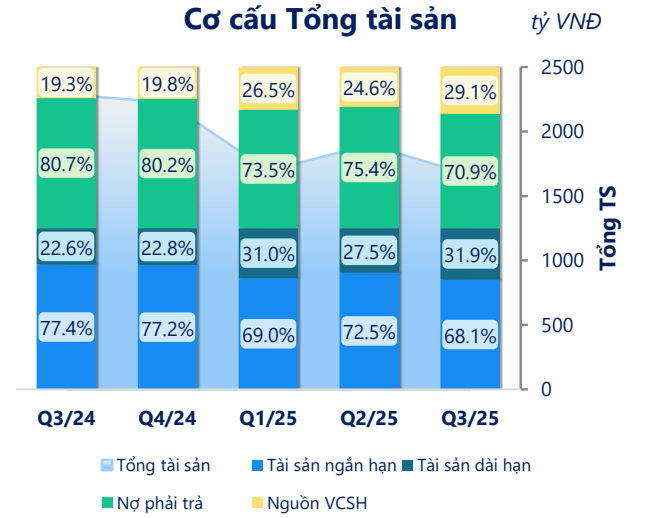

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

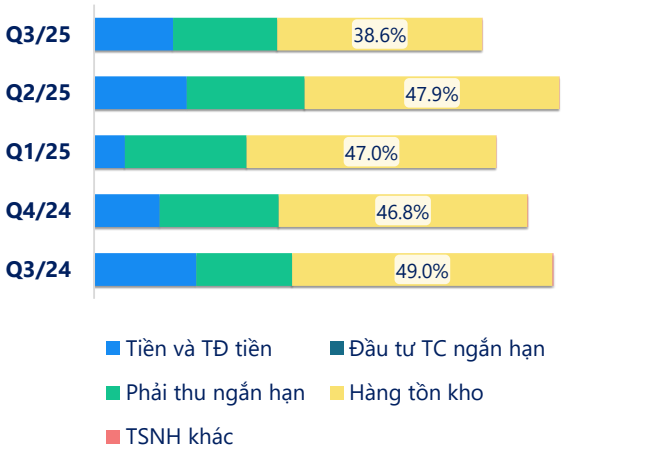

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

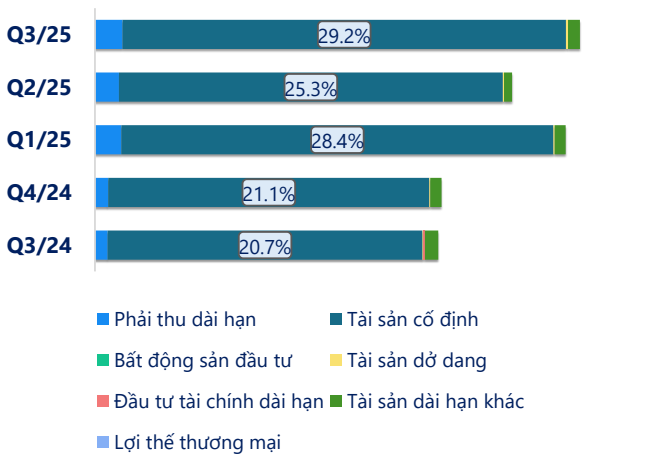

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

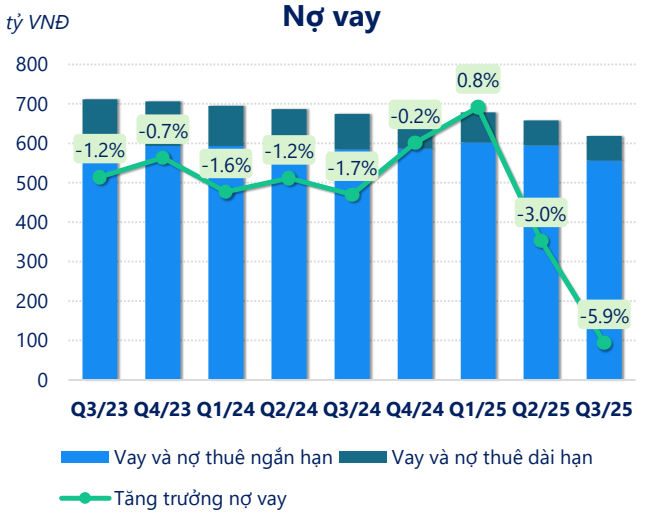

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

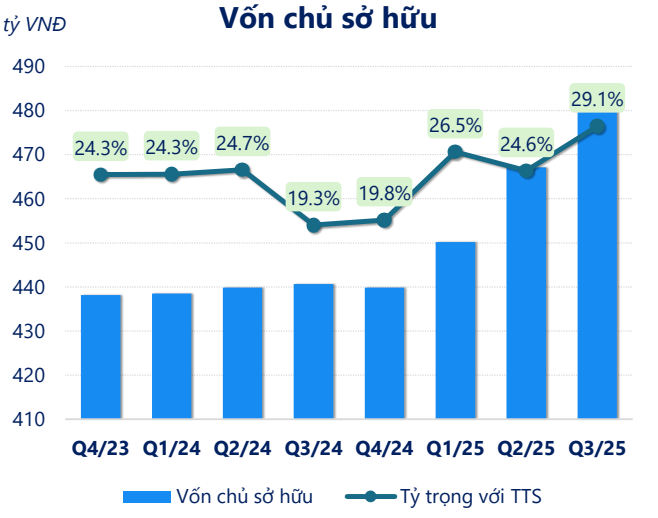

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

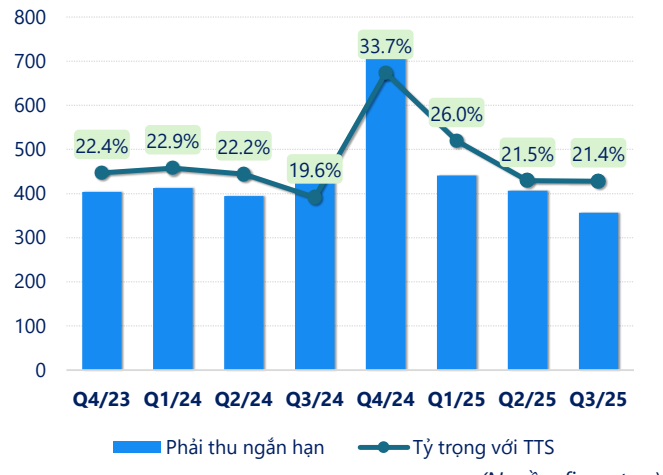

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

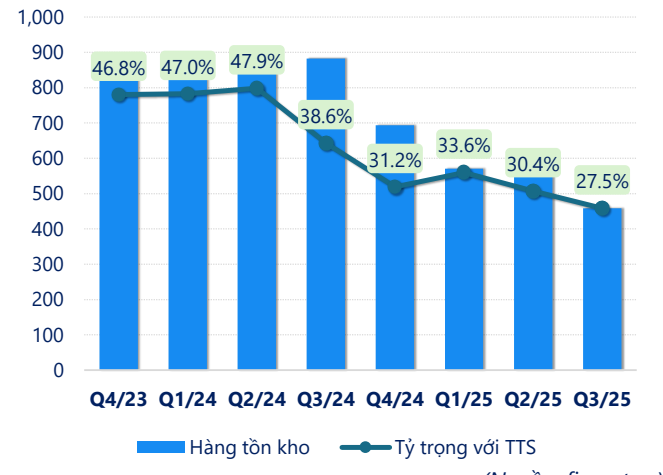

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

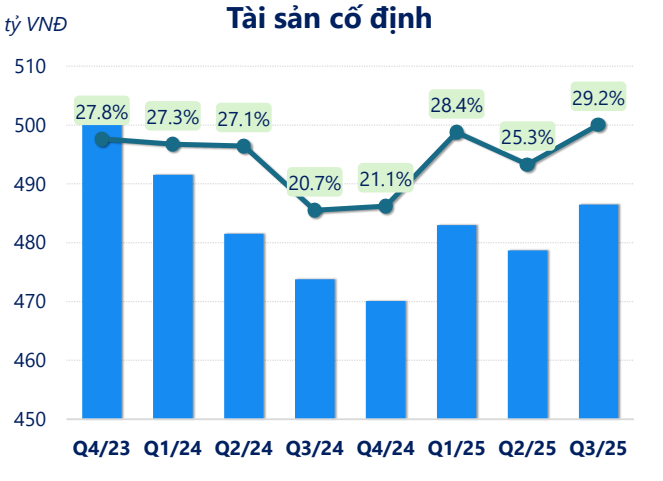

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

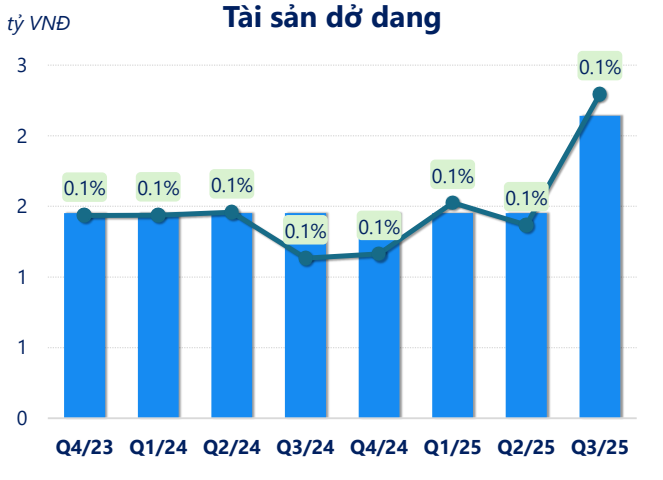

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

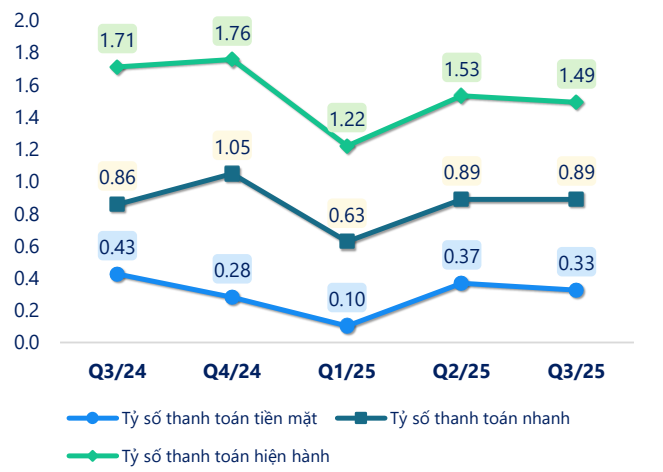

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

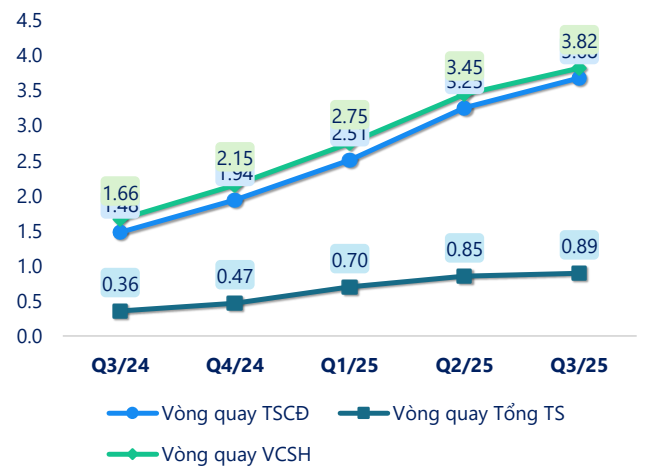

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,287**	**2,226**	**1,698**	**1,895**	**1,666**
Tài sản ngắn hạn	**1,770**	**1,718**	**1,172**	**1,375**	**1,134**
Tiền và tương đương tiền	440	275	98.7	330	248
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	61.7	56.0	67.1
Phải thu ngắn hạn	448	750	441	407	357
Hàng tồn kho	883	693	570	577	458
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.13	0.11	5.44	4.69
Tài sản dài hạn	**517**	**508**	**526**	**520**	**532**
Phải thu dài hạn	19.2	19.6	29.5	30.0	30.1
Tài sản cố định	474	470	483	479	486
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.45	1.45	1.45	1.45	2.14
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	20.3	16.5	12.2	10.3	13.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,846**	**1,786**	**1,248**	**1,428**	**1,182**
Nợ ngắn hạn	**1,034**	**977**	**960**	**897**	**761**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	585	586	602	595	556
Phải trả người bán ngắn hạn	219	199	205	159	105
Nợ dài hạn	812	808	288	531	421
Vay và nợ thuê dài hạn	90.0	86.8	75.8	63.1	62.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**441**	**440**	**450**	**467**	**484**
Vốn chủ sở hữu	**441**	**440**	**450**	**467**	**484**
Vốn điều lệ	363	363	363	363	363
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)